

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2025.
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Thảo.
- Ông Trịnh Xuân Minh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Vân Anh, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2025/TLST - HNGĐ ngày 01/4/2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-DS ngày 29/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-DS ngày 18/6/2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Cao Văn H, sinh năm 1990, **số căn cước: 044090004484, cấp ngày 29/3/2022**; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình, nay là thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Chị Lê Thị T, sinh năm 1986, **số căn cước: 042186013835**; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, nay là xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại bản tự khai, tham gia trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn trình bày:

Về tình cảm: Anh Cao Văn H và chị Lê Thị T đăng ký kết hôn vào 02/7/2010 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình, nay thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình, nay thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị. Sau một thời gian chung sống, đến tháng 3/2011 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nên chị T và con đã bỏ về bên ngoại sống tại xã H, huyện H, nay là xã H, tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2011 cho đến nay. Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn hạnh phúc, hôn nhân giữa vợ chồng không thể đạt được nữa nên anh H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Cao Văn H được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Cao Lê Gia B, sinh ngày 12/5/2010 hiện nay con đang do chị T nuôi dưỡng, anh H nhường quyền nuôi con cho chị T được quyền nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con anh H cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.0000đ.

Về tài sản chung: Anh Cao Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã Tòa án trực tiếp tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Lê Thị T được biết và không đến Tòa án để giải quyết vụ án, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ vợ, chồng, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của anh H, đồng ý cho anh Cao Văn H ly hôn với chị Lê Thị T; Về con chung: Anh Cao Văn H nhường quyền được nuôi con Cao Lê Gia B, sinh ngày 12/5/2010 cho chị T được quyền nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con anh H cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.0000đ. xét thấy hiện nay con đang ở với chị T, nên giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là chính đáng, cho đến khi con đủ 18 tuổi; chấp nhận việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.0000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản: Không có yêu cầu, nên đề nghị không xem xét; Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Cao Văn H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - Hà Tĩnh giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn B, xã H, huyện H, nay là xã H, tỉnh Hà Tĩnh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Hà Tĩnh.

[2] Bị đơn chị Lê Thị T đã biết được Tòa án thụ lý vụ án nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn và **phối hợp chính quyền địa phương làm việc, được biết chị Lê Thị T là người sống cùng hộ với bà Lê Thị M là mẹ của chị T, cùng với một người con của chị T là cháu Cao Lê Gia B đang chung sống với bà M tại thôn B, xã H, huyện H, nay là**

xã H, tỉnh Hà Tĩnh, hiện nay chị Lê Thị T và con đã đi làm ở xa không có mặt tại nơi cư trú, nên vụ án không thể hòa giải để các đương sự thỏa thuận được với nhau. Vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử. Tòa án đã triệu tập họp lệ phiên tòa lần thứ một nhưng bị đơn vắng mặt nên hoãn phiên tòa, đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Phiên tòa lần thứ 2 bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Anh Cao Văn H và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình, nay thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị, theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thể hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, không đem lại hạnh phúc cho nhau, dẫn đến mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị T đã bỏ về bên ngoại sống. Từ tháng 3/2011 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau, đã cắt đứt mọi quan hệ và không liên lạc với nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy suốt một thời gian dài vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nữa. Việc anh H làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận anh Cao Văn H được ly hôn chị Lê Thị T.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Cao Lê Gia B, sinh ngày 12/5/2010 hiện nay con đang do chị T nuôi dưỡng, anh H nhường quyền nuôi con cho chị T được tiếp tục nuôi con, xét thấy hiện nay con do chị T nuôi dưỡng, cháu hiện nay đã nghỉ học đi làm xa không có mặt ở nhà nên không lấy được ý kiến của con, việc anh H nhường quyền trực tiếp nuôi con cho chị T là hoàn toàn phù hợp, vì từ năm 2011 đến nay con do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên giao con tên Cao Lê Gia B cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chấp nhận việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, kể từ tháng 7/2025. Anh Cao Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm theo quy định tại Điều 83, Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83, Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của anh Cao Văn H được ly hôn với chị Lê Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung tên là Cao Lê Gia B, sinh ngày 12/5/2010 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 7/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Cao Văn H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Cao Văn H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn và và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Anh H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003974 ngày 31/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Hà Tĩnh, nay còn phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND Khu Vực 4 - Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Tuyên Phú - Quảng Trị;
- Phòng THADS KV4 - Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Thảo

Trịnh Xuân Minh

Lê Văn Phú

